

lớn vào vùng nguyên liệu tập trung cho phù hợp với điều kiện thực tế để hình thành vùng nguyên liệu chuyên canh có năng suất, chất lượng tốt, đảm bảo đủ nguyên liệu cho 02 nhà máy đường của tỉnh hoạt động có hiệu quả.

- Quy hoạch được điều chỉnh, bổ sung phải đảm bảo phù hợp với Quy hoạch hệ thống cây trồng nông nghiệp tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2001-2010, đặc biệt là bố trí vùng trồng mía không trùng lặp, gây tranh chấp với cây trồng khác.

- Vùng quy hoạch được chọn phải có sự thống nhất bằng văn bản của chính quyền cấp cơ sở (gọi chung là xã).

- Sản phẩm quy hoạch được giao cho UBND xã, huyện và các Sở, ngành có liên quan để quản lý và chỉ đạo thực hiện được thông suốt và có hiệu quả.

#### 4. Mục tiêu:

- Loại bỏ những vùng mía đã được quy hoạch ở giai đoạn 2001-2005 nhưng không đạt yêu cầu về diện tích cũng như năng suất để chuyển đổi cây trồng khác có hiệu quả cao hơn.

- Điều tra khảo sát một số vùng (hoặc liên vùng) có diện tích trồng mía từ 100 ha trở lên có năng suất cao và chất lượng tốt để bổ sung vào quy hoạch vùng nguyên liệu mía tập trung đến năm 2010.

- Hình thành vùng nguyên liệu mía tập trung ổn định đến năm 2010 khoảng 9.000 ha; sản lượng mía cây đạt từ 600.000-700.000 tấn/năm.

5. Địa điểm thực hiện: Được xác định cụ thể trong quá trình rà soát 45 xã đã quy hoạch vùng nguyên liệu mía giai đoạn 2001-2005 để có cơ sở điều chỉnh (tăng, giảm) và khảo sát một số xã, vùng liên xã có qui mô diện tích mía lớn hơn 60 ha để bổ sung vào quy hoạch vùng nguyên liệu mía tập trung chuyên canh.

#### 6. Nội dung đề cương được chia làm 5 phần chính:

6.1- Thực trạng về đầu tư phát triển vùng nguyên liệu mía trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2001-2005.

6.2- Các yếu tố ảnh hưởng đến quy hoạch vùng nguyên liệu mía tập trung trên địa bàn tỉnh đến năm 2010.

6.3- Nội dung điều chỉnh, bổ sung quy hoạch vùng nguyên liệu mía tập trung trên địa bàn tỉnh đến năm 2010.

6.4- Các giải pháp tổ chức thực hiện; kết luận và kiến nghị.

6.5- Hệ thống biểu, bảng.

7. Sản phẩm giao nộp (theo hướng các Sở, ngành tỉnh quản lý hồ sơ quy hoạch chung trên phạm vi toàn tỉnh, huyện quản lý hồ sơ quy hoạch chung của các xã trong vùng quy hoạch, xã quản lý 01 bản của xã):

- Báo cáo thuyết minh quy hoạch cho từng xã: Mỗi xã 01 tập.

- Bản đồ quy hoạch vùng nguyên liệu mía từng xã tỷ lệ 1/10.000; đối với vùng liên xã tỷ lệ 1/25.000: Mỗi xã 02 bản.

- Báo cáo thuyết minh Quy hoạch điều chỉnh, bổ sung vùng nguyên liệu mía tập trung tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2010: 20 tập.

- Bản đồ hiện trạng vùng nguyên liệu mía tỷ lệ 1/50.000: 03 bản.

- Bản đồ quy hoạch điều chỉnh, bổ sung vùng nguyên liệu mía tập trung tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2010 tỷ lệ 1/50.000: 03 bản.

- Địa VCD: Theo số lượng cơ quan có chức năng liên quan của tỉnh để quản lý sử dụng.

8. Thời gian thực hiện: Trong năm 2006.

9. Dự toán kinh phí:

- Tổng kinh phí lập dự toán quy hoạch: 542,90 triệu đồng  
(Trong đó: lệ phí thẩm định = 3% tổng kinh phí = 16.260.000 đồng)

- Rà soát lại 45 xã vùng quy hoạch: 337,50 triệu đồng

- Điều tra khảo sát bổ sung 10 xã: 180,00 triệu đồng

- Tổng hợp báo cáo, hội nghị tư vấn thông qua qui hoạch: 25,40 triệu đồng.

10. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh 100%.

**Điều 2.** Quyết định này là căn cứ để tổ chức triển khai thực hiện, cấp phát, thanh toán vốn đầu tư cho giá trị khối lượng hoàn thành.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng.

Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tham mưu, đề xuất UBND tỉnh cân đối, bố trí vốn để thanh toán kinh phí lập quy hoạch vào cuối năm 2006 hoặc bố trí kế hoạch năm 2007.

Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi chịu trách nhiệm kiểm tra và thanh toán khối lượng hoàn thành được nghiệm thu đủ điều kiện cấp phát theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước Quảng Ngãi; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Kim Hiệu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 880/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 4 năm 2006

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện chính sách hỗ trợ  
phổ cập giáo dục Trung học cơ sở năm 2006**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 62/2005/QĐ-TTg ngày 24/3/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ thực hiện phổ cập Trung học cơ sở;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 22/2005/TTLT-BLĐTBXH-BTC-BGDĐT ngày 10/8/2005 của Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện Quyết định số 62/2005/QĐ-TTg ngày 24/3/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ thực hiện phổ cập trung học cơ sở;

Căn cứ Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 28/02/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phân bổ kinh phí đã được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2006;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 244/SLĐTBXH-BTXH ngày 05/4/2006 về việc sớm phê duyệt kế hoạch thực hiện chính sách hỗ trợ phổ cập giáo dục Trung học cơ sở năm 2006,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ phổ cập giáo dục Trung học cơ sở năm học 2005-2006 tỉnh Quảng Ngãi, gồm các nội dung sau:

**1. Đối tượng:** Tổng số học sinh năm học 2005-2006 thuộc diện thực hiện chính sách hỗ trợ phổ cập giáo dục Trung học cơ sở: 35.459 học sinh (*Chi tiết đối với từng huyện, thành phố Quảng Ngãi theo Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này*);

Trong đó:

1.1- Số học sinh được miễn 100% học phí, các khoản đóng góp và được trợ cấp 01 lần để mua sách vở và đồ dùng học tập: 9.983 học sinh, chia ra theo diện đối tượng như sau:

- Tàn tật thuộc diện hộ nghèo: 242 học sinh;

- Mồ côi không có nguồn nuôi dưỡng: 617 học sinh;
- Dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo: 9.124 học sinh.

1.2- Số học sinh được giảm tối thiểu 50% học phí và các khoản đóng góp: 25.476 học sinh, chia ra theo diện đối tượng như sau:

- Tàn tật không thuộc hộ nghèo: 108 học sinh;
- Con hộ nghèo ngoài diện tàn tật, mồ côi và dân tộc thiểu số: 25.368 học sinh.

**2. Mức hỗ trợ:** Áp dụng mức tối thiểu theo quy định tại Thông tư số 22/2005/TTLT-BLĐTĐTBXH-BTC-BGDĐT ngày 10/8/2005 của Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**3. Kinh phí trợ cấp 01 lần để mua sách vở và đồ dùng học tập:**

- Thực hiện theo Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 28/02/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ kinh phí đã được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2006 (*Chi tiết đối với từng huyện, thành phố theo Phụ lục số 02*).

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thanh quyết toán theo số lượng đối tượng thuộc diện thực tế thực hiện trợ cấp.

**4. Tổ chức thực hiện:**

4.1- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Chủ động phối hợp với Sở Giáo dục - Đào tạo và các Sở, ngành liên quan tổ chức triển khai quán triệt mục đích, ý nghĩa, nội dung chính sách hỗ trợ thực hiện phổ cập giáo dục Trung học cơ sở theo nội dung các văn bản quy định của Nhà nước để các ngành, địa phương thực hiện; hướng dẫn quy trình, thủ tục, kiểm tra, giám sát việc thực hiện ở các địa phương, tổng hợp báo cáo kết quả cho UBND tỉnh và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

4.2- Sở Giáo dục - Đào tạo có trách nhiệm:

- Phổ biến, quán triệt mục đích, ý nghĩa, nội dung và chỉ đạo, hướng dẫn Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố, các trường thực hiện.

- Định kỳ 6 tháng và hàng năm tổng hợp tình hình và kết quả thực hiện chính sách miễn giảm học phí và các khoản đóng góp xây dựng trường cho học sinh thuộc diện được hỗ trợ theo quy định, báo cáo UBND tỉnh (đồng thời gửi Sở Lao động - TBXH để tổng hợp).

4.3- Sở Y tế: Có trách nhiệm hướng dẫn cho các cơ sở y tế trong việc khám, xác nhận học sinh thuộc diện tàn tật để làm thủ tục thực hiện chính sách theo quy định của Nhà nước.